

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - HẢI PHÒNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29-8-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HẢI PHÒNG,
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Viên

2. Ông Phạm Văn Tiến.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Đặng Thị Kim Liên - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:** Ông Phạm Văn Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại Toà án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Phạm Văn P, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn Đ2, xã T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- **Bị đơn:** Chị Phan Thị N, sinh năm 19xx, nơi cư trú: Thôn T, xã T, thành phố Hải Phòng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn (anh Phạm Văn P) trình bày: Anh và chị Phan Thị N tự nguyện kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Tiên Minh, thành phố Hải Phòng vào ngày 16 tháng 9 năm 2021. Anh chị chung sống hòa thuận với nhau được 02 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay cãi nhau nên cuộc sống

chung không hạnh phúc. Hai bên gia đình đã hòa giải Nều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng anh chị đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2024 đến nay và không còn quan tâm tới nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, anh P yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N. Anh chị có 01 con chung là Phạm Minh T, sinh ngày 10 tháng 05 năm 2022. Từ khi ly thân đến nay, con chung do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Do đó, khi ly hôn, anh P đồng ý để chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng cho con, anh P xin tự thỏa thuận với chị N, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh và chị N không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (chị Phan Thị N) trình bày: Chị N xác nhận những nội dung anh P trình bày về thời gian, địa điểm kết hôn, thời gian sống ly thân, con chung, tài sản chung là đúng. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống trong việc dạy dỗ con chung, một phần do mâu thuẫn giữa chị N với gia đình chồng nên vợ chồng hay cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Tuy Nên, chị N không đồng ý ly hôn anh P vì không mong muốn con chung không có đầy đủ bố mẹ. Trường hợp nếu phải ly hôn, chị N nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng cho con, chị N xin tự thỏa thuận với anh P, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị N xác nhận anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu xác minh tại địa P thể hiện: Anh P và chị N có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Minh, thành phố Hải Phòng theo quy định pháp luật. Anh chị sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xảy ra xô xát, bất hoà. Anh chị sống ly thân nhau khoảng 02 năm nay, không quan tâm đến nhau. Anh chị có 01 con chung như anh P, chị N trình bày; kể từ khi anh chị sống ly thân, con chung do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tốt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc thu thập được chứng cứ, tài liệu, mở phiên họp, hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên tòa được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải,

đôi thoại tại Toà án; căn cứ 1 Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho anh Phạm Văn P được ly hôn chị Phan Thị N; giao con Phạm Minh T, sinh ngày 10 tháng 05 năm 2022 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Anh P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn P thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; chị Phan Thị N là bị đơn, hiện đang cư trú tại: Thôn Tụ Tiên, xã Tiên Minh, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; khoản 1 Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2] Nguyên đơn (anh P) vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh P.

- Về nội dung:

[4] Quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Văn P và chị Phan Thị N được xác lập từ ngày 16 tháng 9 năm 2021 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận được 02 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nay anh P xin ly hôn, chị N không đồng ý ly hôn. Xét thấy, lời khai của các đương sự phù hợp với nhau, phù hợp với kết quả xác minh tại gia đình và địa P về tình trạng hôn nhân của anh chị, sự phù hợp đó thể hiện: Trong thời gian chung sống anh chị thường nảy sinh Nền mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, một phần do chị N mâu thuẫn với gia đình anh P nên vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Do mâu thuẫn căng thẳng, anh chị sống ly thân từ tháng 4 năm 2024 đến nay, không quan tâm đến nhau. Anh P khẳng định không còn tình cảm với chị N, chị N không có giải pháp nào để vợ chồng về đoàn tụ. Như vậy, có đủ căn cứ xác định, tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của anh P là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, xử cho anh P được ly hôn chị N.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Phạm Minh T, sinh ngày 10 tháng 05 năm 2022. Từ khi anh chị sống ly thân đến nay, con chung do chị N trực tiếp nuôi dưỡng; anh P và chị N đều có nguyện vọng giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn. Căn cứ các khoản 2, 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P, giao con Phạm Minh T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, xét thấy quyền lợi của con vẫn được đảm bảo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, anh Phạm Văn P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn P:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn P được ly hôn chị Phan Thị N.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Minh T, sinh ngày 10 tháng 05 năm 2022 cho chị Phan Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng cho con do các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn P phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh P đã nộp đủ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 000004303795 ngày 13 tháng 5 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Hải Phòng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 7 - Hải Phòng;
- Đường sự (để thi hành);
- Phòng THADS Khu vực 7 – Hải Phòng;
- UBND xã Tiên Minh, huyện Tiên Lãng (nay là xã Tiên Minh), thành phố Hải Phòng (ĐKKH số 44/2021);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Huyền Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Viên

Phạm Văn Tiến

Phạm Thị Huyền Trang